

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2018

“V/v không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Viết Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Tuyết Dung.

2. Bà Phạm Thị Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Q, sinh năm 1963. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Q về chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi sống chung, bà và ông Q sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2009 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không sống chung với nhau nữa, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân hết sức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố bà và ông Trần Văn Q không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Q có 03 con chung gồm: cháu là Trần Thị Q1, sinh ngày 26/11/1992; Trần Thị Ngọc Q2, sinh ngày 24/10/1994 và Trần Văn Đ, sinh ngày 18/02/1997. Các con đã trưởng thành và tự lập được nên bà không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với ý kiến của bà Trần Thị S về hôn nhân. Ông và bà S lấy nhau được 26 năm kể từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2009 thì vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2011 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, xảy ra xô xát làm cho không khí gia đình trở nên căng thẳng, mất ổn định, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà S yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý nhưng vì ông bà không đăng ký kết hôn nên ông đồng ý yêu cầu tuyên bố ông và bà Trần Thị S không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị S có 03 con chung gồm: cháu Trần Thị Q1, sinh ngày 26/11/1992; Trần Thị Ngọc Q2, sinh ngày 24/10/1994 và Trần Văn Đ, sinh ngày 18/02/1997. Các con đã trưởng thành và tự lập được nên ông đồng ý với bà là không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Trần Thị S và ông Trần Văn Q không phải là vợ chồng; Về con chung và Về phần tài sản chung, nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc bà S phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 26/01/2018, nguyên đơn bà Trần Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Văn Q và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của bà S đúng quy định, ông Q có nơi cư trú tại thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S và ông Trần Văn Q cùng thống nhất về hôn nhân. Ông, bà có tổ chức đám cưới theo phong tục và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2009 thì sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xảy ra xô xát, không còn tin tưởng nhau, không còn yêu thương nhau, không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành phân tích, giải thích, động viên, khuyên nhủ bà S, ông Q rất nhiều lần nhưng bà S, ông Q vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Q, bà S ly hôn, vì đời sống tình cảm giữa ông Q với bà S không còn; Nên bà S làm đơn khởi kiện xin ly hôn. Qua xác minh tại UBND xã Bờ Ngoong xác nhận: Ông Q, bà S chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy việc bà S với ông Q chung sống chung với nhau từ năm 1992 mà không đăng ý kết hôn là trái pháp luật vi phạm khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, ông Quý, bà Sửu không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị S và ông Trần Văn Q có 03 con chung gồm: cháu Trần Thị Q1, sinh ngày 26/11/1992; Trần Thị Ngọc Q2, sinh ngày 24/10/1994 và Trần Văn Đ, sinh ngày 18/02/1997. Các con đã trưởng thành và tự lập được nên ông Q và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên HĐXX miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị S và ông Trần Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Buộc bà Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm đề sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận bà Trần Thị S và ông Trần Văn Q là vợ chồng.

1. Về án phí: Buộc bà Trần Thị S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001694 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bà Trần Thị S đã nộp đủ tiền án phí.

2. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2018), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- UBND Xã Bờ Ngoong;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(*đã ký và đóng dấu*)

Hà Viết Toàn